

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 97

Thiên thứ 97: TỔNG CHUNG (việc tang).

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Xả mạng, Khiển tống, Thọ sanh.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Nghĩ rằng Tứ đại là đồ vật ác hiểm có dơ bẩn chứa đầy trong đó, Lục tặc là chúa tể ngông cuồng thì cảnh nào cũng đều đắm trước, không còn mong mỗi đi ngược dòng, chỉ có xu thế trôi theo nhau. Thậm chí nếu như tách một mảy lông để làm lợi thiên hạ, thì keo kiệt mà không làm; bỏ một bữa ăn để thêm lương thực thừa, thì tiếc nuối mà không cho. Sa vào đòng lại trong kinh sử, che kín mớ màng theo hữu vi. Chư Phật vì vậy mà chau mày, Bồ Tát từ đây tuôn máu lệ. Trộm thấy hạng phạm tục giàu sang lúc cha mẹ qua đời, làm nhiều nghi thức mai táng-giết nhiều sinh mạng, tụ tập bà con-cung cấp tiếp đãi khách bạn, tạm mong hiện tại hơn người-không tránh nghiệp nhân. Hoặc sợ người ngoài mỉa mai không tuân theo nội điển, cho nên cha lìa trần thì đau khổ sâu nặng, mẹ qua đời lại thêm nghiệp khốn cùng. Vì vậy quẩn quại trong ba cõi-kéo dài trong sáu nẻo, bốn loài dễ quay về-vạn kiếp khó mở đường, đau đớn thay linh thức tù tội của mẹ hiền, đáng thương thay ân đền tai họa của con nghịch. Nhưng mặt trời trên cao như còn mãi, chắc chắn nghĩ đến ân huệ của làn mưa ngọt ngào; tai họa dịch bệnh nếu quá nhiều, thì có thể cần vị thuốc của thầy thuốc chữa trị. Chỉ có điều là cha mẹ quá vãng đã là phạm phu, có thể không có ác nghiệp, mà nhân của tội không mất, thì khổ báo khó loại trừ. Nếu như không nhờ vào những phước duyên tốt đẹp, thì quả báo an vui có lẽ nào chứng được? Ngõ hầu khiến cho lúc sắp lìa trần, phát nguyện để đưa vào chốn Thi Đà (khu rừng bỏ xác chết), đồ vật mai táng tẩm liệm xác thân, tất cả sử dụng để làm công đức, hy vọng cứu giúp sự đói khổ của chim thú, có thể tránh khỏi món nợ khổ của tương lai!

Phần thứ hai: XẢ MẠNG

Như kinh Thập Nhị Phẩm Sanh Tử nói: “Đức Phật dạy: Con người chết đi có 12 loại. Những gì là 12 loại? Đó là: 1- Người chết không còn lại gì, gọi là A La Hán; 2- Người chết đã vượt qua, gọi là A ma hàm, không còn trở lại nữa; 3- Người chết còn thừa lại, gọi là Tư đà hàm, đi mà còn trở lại; 4- Người chết học mà vượt qua, gọi là Tu đà hoàn, thấy dấu tích của đạo; 5- Người chết không lừa dối, gọi là người thuộc tám bậc; 6- Người chết hoan hỷ, gọi là thực hành nhất tâm; 7- Người chết nhiều lần, gọi là người hạnh xấu xa; 8- Người chết hối hận, gọi là phạm phu; 9- Người chết đột ngột, gọi là khốn khổ cô độc; 10- người chết bị trói buộc, gọi là loài súc sanh; 11- Người chết vì lửa thiêu, gọi là chốn địa ngục; 12- Người chết vì đói khát, gọi là loài ngựa quỳ. Tỳ kheo nên hiểu biết rõ ràng như vậy, đừng làm cho phóng túng!”

Còn trong kinh Tịnh độ Tam Muội nói: “Nếu người tạo ra thiện nghiệp-ác nghiệp, sanh lên cõi trời hay đọa xuống địa ngục, thì lúc sắp mạng chung đều có người tiếp nhận. Lúc bệnh sắp chết thì mắt tự trông thấy người đến tiếp nhận; người được sanh lên cõi trời, thì Thiên thần mang y phục cõi trời cùng với các loại âm nhạc đến nghênh đón; người được sanh đến phương khác, thì mắt trông thấy người tôn quý nói cho nghe lời nói tuyệt diệu. Nếu người làm ác đọa vào địa ngục, thì mắt trông thấy quân lính cầm dao kiếm giáo mác và dây trói vây tròn xung quanh; những điều trông thấy không giống nhau, miệng không thể nào nói được, tất cả đều tùy theo việc đã làm mà nhận lấy quả báo ấy. Lẽ trời không hề có điều oan uổng sai lạc, mà công bằng thẳng thắn không khác nhau, tùy thro những điều đã làm mà trừng trị đúng với đạo lý không sai.”

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Lúc người sắp mạng chung trông thấy tướng trung ấm. Nếu người làm ác nghiệp, thì thấy nhận chịu đau khổ trong ba đường dữ, hoặc thấy Diêm la mang các binh lính cầm gậy gộc bắt tù nhân đem đi, hoặc nghe tiếng kêu gào đau khổ. Nếu người làm thiện, thì thấy cung điện chư thiên, ca nhi vũ nữ trang nghiêm, chơi đùa vui sướng, và những điều tốt đẹp như vậy.”

Còn trong kinh Pháp Cú Dụ nói: “Xưa kia Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Hoàn, thuyết pháp cho trời-người. Có một trưởng giả, nhà ở cạnh đường đi có cửa cải vô số, chỉ có một người con trai, năm ấy 20 tuổi, vừa mới cưới vợ, chưa tròn bảy ngày, vợ chồng kính trọng nhau, muốn đến khu vườn phía sau, ngắm nhìn chơi đùa vào ba tháng đầu xuân. Trong vườn có một cây táo cao to, hoa nở rất đẹp, người vợ muốn có được cành hoa nhưng không có người nào lấy cho, người chồng liền

leo lên cây hái cho vợ. Mới trèo lên đến cành nhỏ, cành bị gãy rơi xuống mà chết. Lớn nhỏ trong nhà lao đến chỗ con, gào khóc kêu trời ngất đi rồi tỉnh lại, người nghe không có ai không đau lòng xót xa, đưa vào nhà tắm liệm trong quan tài mà khóc nỉ non không dứt. Đức Thế Tôn xót thương cho những người ngu, đến nơi thăm hỏi ân cần. Lớn nhỏ trong nhà Trưởng giả trông thấy Đức Phật, đau buồn cảm động làm lễ thưa rõ đầy đủ nỗi đắng cay. Đức Phật bảo với Trưởng giả: Hãy dừng lại mà nghe pháp, vạn vật đều vô thường, không thể nào giữ được lâu, sanh ra thì có chết đi, tội và phước truy tìm nhau, người con này được ba nơi khóc tẩm tức vì mình, buồn phiền ngất lịm lại cũng khó kềm chế nổi; cuối cùng là con ai, ai là thân thích? Vào lúc ấy Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

*Mạng sống như hoa quả chín muồi,
Luôn luôn sợ có thể rơi rụng,
Đã sanh ra đều có đau khổ,
Ai có thể làm cho không chết?
Từ ban đầu vui với ái dục,
Nhìn thấy vào bào thai ẩn nấp,
Nhận lấy hình mạng như điện chớp,
Ngày đêm lưu chuyển khó dừng lại.
Thân mạng này là vật chết đi,
Tinh thần là pháp không có hình,
Làm mạng chết rồi lại sinh ra,
Mà tội phước thì không mất đi.
Trước sau không phải là một đời,
Theo si mê ái dục lâu dài,
Tự mình làm nhận chịu khổ vui,
Thân chết mà thân thức không mất.*

Trưởng giả nghe bài kệ ý hiểu rõ quên buồn rầu, quỳ thẳng thưa với Đức Phật: Đứa con này thân đời trước gây ra tội lỗi gì, thọ mạng tràn trề tốt đẹp mà lại bọ chết yếu, chỉ mong Như Lai giải thích về tội lỗi đã làm trước kia! Đức Phật bảo với Trưởng giả: Thời quá khứ xưa kia có một đứa bé, cầm cung tên chơi đùa mà nhập thần bắn trúng vào cây. Bên cạnh có ba người cũng đang đứng xem, trên cây có con chim Tước bé nhỏ mong bắn, ba người khuyến khích rằng: Nếu có thể bắn trúng chim Tước thì đúng là cậu bé khỏe mạnh nhất thế gian. Đứa bé ưa ý liền kéo cung bắn tên, trúng con chim Tước chết ngay. Cả ba người cùng cười, hoan hỷ ủng hộ mà quay về nhà mình. Trải qua trong số kiếp

sanh tử vẫn còn gặp lại nhau mà nhận chịu tội báo. Một người trong ba người nhờ có phước thiện cho nên nay ở trên cõi trời, một người sanh vào trong biển làm Long Vương Hóa Sanh, một người chính là thân trưởng giả bây giờ. Đứa bé ấy trước kia sanh lên cõi trời làm con của trời, thọ mạng chấm dứt làm con Trưởng giả, trên cây rơi xuống mạng chung lập tức sanh vào trong biển làm con của Long Vương, ngay trong ngày sinh bị chim chúa cánh vàng bắt ăn thịt. Hôm nay cả 3 nơi buồn phiền khóc tấu tức, há có thể nói được gì chăng? Bởi vì đời trước ủng hộ hoan hỷ, cho nên ba người này thọ báo như vậy. Ngay sau đó Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

*Thần thức tạo ra ba cảnh giới,
Thiện và bất thiện ở ba nơi,
Ấm ltu chuyển mà lặng lẽ đến,
Nơi hướng về như tiếng dội lại.
Nhân quả cõi Dục-Sắc-Vô sắc,
Tất cả dựa theo hành vốn có,
Như chủng loại thuận theo hình dạng,
Báo tự nhiên như bóng theo hình.*

Đức Phật thuyết kệ xong, trưởng giả hiểu rõ ý, lớn nhỏ rất hoan hỷ, đều đạt được quả vị Tu đà hoàn.”

Còn trong luật Tứ Phần nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì lợi ích cho chúng sanh, nhà vua mạng chung, Ngài thuyết kệ rằng:

*Tất cả phải trở về kết thúc,
Lên cao đến lúc sẽ rơi xuống,
Sanh ra không có ai không chết,
Có thân mạng đều là vô thường.
Chúng sanh rơi rụng có số lượng,
Tất cả đều là pháp hữu vi,
Tất cả các cảnh giới thế gian,
Không có nơi nào không già-chết.
Chúng sanh là pháp thường như vậy,
Đời đời đều trở về cái chết,
Tùy theo hành nghiệp do mình tạo,
Tội-phước có quả báo không sai.
Ác nghiệp thì đọa vào địa ngục,
Thiện nghiệp được sanh lên cõi trời,
Hạnh cao xa sanh vào thiện đạo,
Đạt được vô lậu chứng Niết bàn.”*

Phần thứ ba: KHIẾN TỔNG (Đưa đi mai táng).

Lời bàn: Sinh tử liên hoàn không tách khỏi Tục đế, tuy là xuất gia chỉ cầu đạo thù thắng, mà phần đoạn chưa xả-Biến dịch chưa trừ, vẫn theo ba cõi tùy thế tục chuyển dời. Đến nỗi còn-mất, đều y theo trong-ngoài, ngày sắp mạng chung có nơi an trí, uy nghi tống táng còn lại nói sau. Tạm thời luận về xác chết, an trí phía Bắc-phía Nam, hồn phách không hề giống nhau, nay nói sơ lược điều này.

Lễ Ký Lễ Vận nói: “Thể phách thì hạ thấp xuống biết khí ở phía trên, chết thì đầu Bắc, sống thì hướng Nam.”

Giao Đặc Sanh nói: “Hồn là tinh thần thuộc về trời, phách là hình hài thuộc về đất, vốn có nghĩa của sự thờ cúng cầu đảo đối với âm dương. Sái Nghĩa nói: Khí cũng là sức mạnh của Thần, hồn cũng là sức mạnh của Quỷ.”

Tả truyện Chiêu Nhị Niên Tử Sản Đối Triệu Cảnh Tử nói: “Con người sống chết làm cho thay đổi gọi là Phách, đã sanh phách dương thì gọi là Hồn. Vật sử dụng tinh thần nhiều thì hồn phách ưu việt. Vì vậy có tinh thần trong sáng đến mức thần kỳ sáng suốt. Thất phu-thất phụ bị cưỡng bức mà chết, hồn phách của họ hãy còn có thể dựa vào con người để làm nhiều điều tai hại, huống là người lương thiện ư?”

Hoài Nam Tử nói: “Thiên khí là hồn, địa khí là phách. Phách hỏi hồn: Đạo lấy gì làm Thể? Hồn nói: Bởi vì không có hình hài chăng? Phách nói: Có hình hài, hoặc cũng không có, vì sao mà hỏi vậy? Hồn nói: Tôi dứt khoát là đã có gặp vậy thôi, nhìn thì không có hình, nghe mà không có tiếng, đó gọi là u minh, vì lẽ đó dụ cho đạo, mà không phải là đạo.”

Hỏi: Đã biết hồn và phách khác nhau, thời nay theo phong tục chết đi tại vì sao dùng áo để gọi hồn, không nói là gọi phách? Đáp: Hồn là linh thức, phách là thân xác, cho nên lễ nghi vào lúc mới chết, dùng áo của mình đã mặc, mang đến trước thân xác của phách, bởi vì hồn lìa xa khỏi xác, cho nên lấy áo gọi hồn, hồn nhận biết áo của mình, theo áo trở về với phách. Nếu hồn trở về với phách, thì miệng xác chết có chút động đậy; nếu hồn không trở về với phách, thì miệng không chút động đậy. Theo lý mà nói, vốn nói là Chiêu hồn chứ không nói là Hoán phách. Vì vậy trong Tiêu tang Phục Yếu Lý nói: “Lỗ Ai Công mai táng cha mình, Khổng Tử hỏi rằng: Lễ nào tìm áo gọi hồn chăng? Ai Công nói: Áo của hồn bắt đầu từ Bá Đào, Bá Đào đến núi Kinh giữa đường gặp giá lạnh mà chết, người bạn gặp gió xoáy mà đau xót đón thân xác về, thương cho linh hồn thân thức giá lạnh, cho nên thay đổi làm áo của

hồn, cha tôi sống mặc toàn gấm vóc, chết thì áo quần che phủ, đầu dùng áo làm gì?”

Hỏi: Tại sao phải viết họ tên người chết lên trên cái phướn? Đáp: Phướn chiêu hồn đặt nơi khô ráo, để hồn nhận biết tên họ của mình, theo tên họ tiến vào nhà tối tăm, cũng tìm đến với phách. Hoặc tiến vào nhà sâu hơn. Sâu hơn là thêm một tầng nữa. Bởi vì vào bên trong, bày biện đầy đủ các thức cúng tế, bởi lẽ còn-mất khác nhau cho nên sáng-tối không giống nhau. Quỷ thần ăn trong bóng tối, người còn sống ăn trong ánh sáng. Vì vậy chủ yếu dùng chiếu thô, bên trong có đủ thức ăn, đem bày biện vào bên trong, đặt ở dưới đất.

Theo như Tây Vực thì cách thức mai táng có bốn loại” 1- Thả trôi trên sông; 2- Dùng lửa đốt cháy; 3- Chôn vào lòng đất; 4- Đặt giữa rừng hoang.

Trong luật Ngũ Phần nói: “Nếu lúc hỏa thiêu thì đặt ở trên đá, không được đặt trên cỏ cây đất đai, bởi vì sợ làm tổn thương sâu bọ.”

Trong luật Tứ Phần nói: “Như Lai và Luân Vương, cả hai bậc đều hỏa táng, người khác thì chôn như trước, theo cách táng thứ 4 là nhiều.”

Trong luật Ngũ Phần nói: “Thây xác cần phải chôn. Ở đây nói là Vương pháp không cho phép thi thân, lại sợ rằng mùa hạ mà đốt thì giết hại sâu bọ, cho nên khiến phải chôn. Đương nhiên ở nơi khác không khó khăn thì thả trôi trên sông hoặc đặt giữa rừng hoang cũng được.”

Còn dựa theo luật Tứ Phần và Ngũ Bách Vân Sự nói: “Nếu gặp tháp miếu thờ kính Như Lai và gặp tháp mộ của người thuộc 5 chúng xuất gia, tất cả đối với mình thì đều cần phải lần lượt dựa theo tuổi tác còn sống mà thiết lễ. Nếu tất cả bách y gặp tháp mộ của người xuất gia, thì không chọn lựa lớn nhỏ mà đều cần phải lễ lạy cung kính.”

Lời bàn: Đã biết như vậy, thì những hàng đạo-tục, nếu gặp linh cữu của Sư Tăng hoặc cha mẹ quá vãng, từ bên ngoài đến phúng viếng mà người nhỏ hơn người quá vãng, đến nơi thì hài của họ thiết lễ như thường lệ, rồi trước hết cầm tay hiểu tử lạng yên an ủi thăm hỏi, sau đến nơi Đại Đức, bày tỏ tình cảm thương tiếc, phúng viếng mà lễ lạy. Cũng thấy có hàng bách y ngu si, thực hành giáo pháp bữa bãi, quay lại chỉ bày người khác, không cho phép lễ lạy vong linh cha mẹ chú bác tôn thân, miệng nói rằng: Tôi đã thọ giới, họ là quỷ thần, cho nên không phù hợp để lễ lạy, sợ rằng bị phá giới. Điều này không hợp với giáo lý, trái lại còn chuốc lấy tội lỗi của sự vô tri. Cúi đầu suy nghĩ bậc Sư Tăng nuôi lớn Pháp thân cho mình, bậc cha mẹ chú bác nuôi lớn Sanh thân

cho mình, nhờ vào sự chăm sóc bú mớm này mà lớn lên thành người. Nghĩ đến ân đức này như trời cao mênh mông khó đến đáp được, trải qua bao kiếp báo đáp ân tình khó đủ, há chỉ một đời mà có thể kết thúc, không còn gì ân tình cung kính, trái lại dấy lên khinh mạn, tiếp theo dấu chân của hạng dung tục tầm thường, sao trở thành con hiếu thảo? Vì vậy Đức Thế Tôn là bậc Thánh cao nhất, hãy còn tự mình nâng thi hài của cha mẹ mà đưa tiễn, huống gì hạng phàm ngu thấp hèn mà nhất định sinh tâm lãnh đạm ư? Cho nên trong kinh Niết bàn nói: “Người biết ân tình, là căn bản của tâm Đại Bi; người không biết ân tình, thật còn thua súc sanh.”

Còn trong kinh Tịnh Phạm Vương Nê Hoàn nói: “Vua Bạch Tịnh ở nước Xá Di, bệnh nặng sắp qua đời, nhớ đến muốn gặp Đức Thế Tôn và Nan Đà, nhưng Đức Thế Tôn an trú trong núi Kỳ Xá Quật thuộc thành Vương Xá, cách xa nơi 50 do tuần! Đức Thế Tôn ở núi Linh Thứu, dùng thiên nhĩ từ xa nghe tiếng cha suy nghĩ nhớ lại, liền cùng với A-nan... cưỡi hư không mà đến. Ngài đưa tay vuốt trên trán nhà vua, thăm hỏi nhà vua xong, thuyết kinh Ma Ha Ba La Bốn Sanh cho nhà vua nghe. Nhà vua nghe kinh đạt được quả vị A-na-hàm. Nhà vua nắm tay Đức Phật nâng lên đặt trên ngực mình, Đức Phật lại thuyết pháp cho nghe và đạt được quả vị A La Hán, vô thường đến trước mắt thân mạng ngưng lại hơi thở chấm dứt, chốc lát đã đến đời sau. Đến lúc trà tỳ, Đức Phật cùng với Nan Đà đứng nghiêm trang cung kính ở trước đầu linh cữu, A-nan-La vân ở sau chân linh cữu. A-nan Đà quỳ thẳng thưa với Đức Phật rằng: Chỉ mong cho phép con được gánh quan tài của Bá phụ! La Vân lại thưa: Chỉ mong cho phép con được gánh quan tài của Tổ Vương! Đức Thế Tôn an ủi rằng: Người đời sau này đều là hung bạo, không đền đáp ân tình sinh dưỡng của cha mẹ, vì thiết lập giáo pháp cảm hóa những chúng sanh bất hiếu này, cho nên Như Lai tự mình muốn gánh quan tài của vua cha. Lập tức ba ngàn Đại thiên thế giới phát ra sáu loại chấn động, tất cả các núi cao lớn nổi lên chìm xuống, như thuyền trên nước. Lúc bấy giờ tất cả chư Thiên-rồng-thần, đều đi đến nơi linh cửu cất tiếng khóc tấu tức, Tứ Thiên Vương dẫn theo quỷ thần đông đến trăm ngàn ức, đều cùng nhau nâng linh cữu, thưa với Đức Phật rằng: Đức Phật vì những người bất hiếu với cha mẹ ở đời sau, cho nên dùng tâm Đại Từ Bi đích thân muốn tự mình gánh quan tài của vua cha. Tứ Thiên Vương cùng thưa với Đức Phật rằng: Chúng con là đệ tử của Đức Phật, nghe pháp từ Đức Phật mà đạt được quả vị Tu đà hoàn, vì nguyên cố này chúng con nên gánh quan tài của vua cha. Đức Phật cho phép Tứ

Thiên Vương gánh quan tài của vua cha, lập tức biến thành người. Tất cả nhân dân không có ai không cảm động rơi nước mắt. Đức Thế Tôn tự mình tay bưng lư hương, đi phía trước đến nơi phần mộ, khiến ngàn vị La Hán đến trên đảo giữa biển rộng lấy các loại gỗ thơm như Ngưu đầu-Chiên đàn, dùng để hỏa thiêu. Đức Phật dạy: Khổ-Không-Vô thường, giống như huyễn hóa, bóng trắng trong nước, cảnh tượng trong gương, thiêu thân trở về trống rỗng. Lúc bấy giờ các vị vua, mỗi người mang đến năm trăm bình sữa, dùng để dập tắt lửa. Sau khi lửa tắt cùng nhau thâu góp hài cốt, đặt trong hộp kim cương, ngay phía trên chỗ ấy nhân tiện cùng nhau dựng tháp, treo phan phước lọng tàn rực rỡ cúng dường tháp thờ. Đức Phật bảo với hội chúng: Vua cha Tịnh Phạn là người thanh tịnh, sanh lên cõi trời Tịnh Cư.”

Còn trong kinh Phật Mẫu Nê Hoàn nói: “Tỳ kheo Ni Đại Ái Đạo, chính là dì ruột của Đức Phật, cùng với năm trăm người Trừ Cận Nữ (Tức là Tỳ kheo Ni. Trong kinh Pháp Kính, Khương Tăng Hội nói rằng: Phạm phu tham đắm nhiễm trước sáu trần, giống như người đói ăn cơm không biết thỏa mãn, nay Thánh nhân đoạn tuyệt tham đắm loại trừ cơn đói của sáu tình, cho nên gọi phái Ni xuất gia là Trừ Cận Nữ), dùng tay vuốt chân Đức Phật, đi quanh Đức Phật ba vòng, rập đầu lay mà rời xa, hiện bày công đức thần túc, ở chỗ ngồi của mình ẩn đi, từ phương Đông xuất hiện ở giữa hư không làm ra mười tám loại biến hóa, tám phương và trên dưới cũng lại như vậy, phát ra ánh sáng rộng lớn để chiếu rọi những nơi tối tăm, phía trên chiếu sáng các cõi trời; năm trăm Trừ Cận biến hóa đều như vậy cùng lúc Nê hoàn. Đức Phật khuyên người quản lý làm năm trăm chiếc kiệu, dầu vừng-hương hoa-long não-gỗ cây, mọi thứ đều làm thành năm trăm phần, dùng nhạc cụ phát ra âm thanh chuẩn xác để cúng dường, tất cả phạm Thánh nhìn thấy thấy đều xót thương rơi nước mắt. Hỏa táng xong bưng xá lợi đến nơi Đức Phật, thế là 4 phương có hai trăm năm mươi Ứng Chân (A La Hán), dùng thần túc bay đến cúi đầu lay dưới chân Đức Phật, đến nơi xá lợi, ngàn Tỳ kheo đều ngồi vào chỗ ngồi. Đức Phật bảo với A-nan: Lấy xá lợi đặt vào đồ đựng, lấy bát đặt trong tay Ta! A-nan làm theo lời dạy. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Xá lợi tích tụ này vốn là thân ô uế, hung ác ngu si nóng nảy vội vàng, đố kỵ ngấm ngầm mưu toan, làm tổn hại đạo đức, nay mẹ có năng lực vượt lên phát huy công hạnh của bậc trưởng phu, đạt được đạo quả Ứng Chân chuyển linh thức cuối cùng không có, đừng mãi biết bao! Ngài dạy đệ tử dựng lên tháp miếu cúng dường.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Đức Phật bảo với A-nan

Đà và La Vân: Các ông gánh thân của Đại Ái Đạo, Ta sẽ đích thân tự mình cúng dường. Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân và Tứ Thiên Vương, cùng đến phía trước thưa với Đức Phật rằng: Chỉ mong Thế Tôn đừng tự mình vất vả tinh thần sức lực, chúng con tự mình nên cúng dường. Đức Phật dạy: Đứng, đứng! Vì sao như vậy? Bởi vì cha mẹ sinh con có quá nhiều làm cho lợi ích, ân tình sâu nặng đã bú mớm ôm ấp nuôi lớn, cần phải báo ân chứ không thể nào không báo, mẹ của chư Phật quá khứ-vị lai, trước đã chọn lấy diệt độ, chư Phật đều tự mình cúng dường trà tỳ xá lợi. Lúc ấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương sai các quỷ thần đến rừng Chiên đàn lấy củi Chiên Đàn, đến đọt giữa đồng rộng bao la. Đức Phật tự mình gánh một chân, A-nan gánh một chân, bay vào hư không, hướng đến nơi phần mộ. Lúc bấy giờ Đức Phật tự mình lấy gỗ Chiên đàn đọt lên trên thân hình của Đại Ái Đạo. Đức Phật dạy: Có bốn người nên dựng tháp cúng dường. Đó là: 1- Đức Phật; 2- Bích chi Phật; 3- Lậu tận A La Hán; 4- Chuyển luân Thánh vương; bởi vì đều dùng mười thiện nghiệp mà cảm hóa muôn loài. Lúc bấy giờ nhân dân liền thâu nhặt xá lợi, cùng dựng tháp cúng dường.” Dựa theo kinh Tạp A Hàm, di ruột Ái Đạo của Đức Phật, chính là mẹ củA-nan Đà.

Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Trong bốn đệ tử sơ lược chọn lấy hai người trước và sau, mà đưa ra tám người. Trong chúng Tỳ kheo, người đắc đạo đầu tiên như Tỳ kheo Câu lân, có năng lực khéo léo khuyến hóa, không mất oai nghi; người đắc đạo cuối cùng như Tu Bạt Đà La, đến ngày đắc đạo thì nhập Bát Niết bàn. Trong chúng Tỳ kheo Ni, người đắc đạo đầu tiên như Tỳ kheo Ni Đại Ái Đạo, người đắc đạo cuối cùng như Tỳ kheo Ni Đà La ở nước Câu Di. Trong chúng Ưu bà tắc, người đắc đạo đầu tiên như Thương Khách Nam, người đắc đạo cuối cùng như Câu Di Na Ma La. Trong chúng Ưu bà di, người đắc đạo đầu tiên như Nan Bà Nữ, người đắc đạo cuối cùng như Lam Ưu Bà Di.”

Phần thứ tư: THỌ SANH

Nói đến sanh thì tám Thức duy trì, tử thì bốn đại chia lìa, thoáng chốc đã trăm tuổi rồi, cuối cùng quay về hủy diệt, tuần hoàn mãi trong ba cõi, chuyển đổi liên tục không dừng. Vì vậy trong kinh nói: “Có bắt đầu nhất định phải kết thúc, đã sinh ra thì phải diệt đi.” Thánh giáo hồng hư đối, mắt nhìn thấy cánh tay đan chéo thật rõ ràng. Vì lẽ đó từ trong duyên này sơ lược trình bày về 6 phần.

Trong phần thứ nhất, lúc sắp mạng chung xem kỹ thân thể lạnh

hay nóng, nghiệm lại thiện-ác của người ấy, có thể biết được quả báo ở đời sau.

Do đó trong luận Du Già nói: “Hữu tình này không phải là sắc, không phải là tâm. Giả hợp làm thành mạng căn, lớn nhỏ đều giống nhau, chết đi cùng chung trạng thái nhanh hoặc chậm.” Các Sư truyền lại cho nhau rằng: Người làm điều thiện thì bắt đầu dưới chân lạnh dần cho đến phần rốn trở lên, hơi ấm hết sau cùng, tức là sanh trong loài người. Nếu đến đỉnh đầu mà khí nóng hết sau cùng, thì sanh vào loài trời. Nếu người làm điều ác thì ngược lại với điều này. Từ phần trên đến hông, hơi nóng hết sau cùng thì sanh vào loài quỷ. Từ hông xuống đến đầu gối, hơi nóng tản hết thì sanh vào loài súc sanh. Từ đầu gối trở xuống cho đến chân, hơi nóng mới hết thì sanh trong địa ngục. Người thuộc bậc Vô học nhập Niết bàn, thì hơi ấm hoặc ở phần tim, hoặc ở đỉnh đầu. Nhưng trong luận Du Già nói: “Nghĩa về Yết La Lam có nơi nhờ cây ban đầu, thì gọi là phần tim. Như vậy Thức ở nơi này nhờ cây đầu tiên, thì từ nơi này rời bỏ sau cùng.” Giải thích rằng: Căn cứ theo luận Du Già thì nhờ làm điều thiện mà sanh lên phía trên, cho nên từ phần dưới dần dần rời bỏ đến phần tim, sau mới nói rời bỏ từ phía trên. Bởi vì làm điều ác mà sanh xuống phía dưới, cho nên trước hết từ phần trên rời bỏ đến phần tim, sau mới nói rời bỏ từ phía dưới.

Trong luận Câu Xá nói: “Nếu người đang chết, thì ý thức đoạn diệt ở trong phần thân thể nào? Nếu trong một lúc thân chết thì căn và ý thức cùng lúc đều đoạn diệt.” Nếu người theo thứ tự mà chết, thì trong này có kệ rằng:

*Theo thứ tự chết từ chân đến rốn,
Ở tại phần tim ý thức đoạn diệt,
Phía dưới không sanh vào chốn trời-người,
Phần giữa-trên không phải là ác đạo.*

Trong luận giải thích rằng: “Nếu người chắc chắn hướng về ác đạo thọ sanh và thọ sanh trong loài người, những người như vậy, theo thứ tự từ A La Hán, người này ý thức đoạn tuyệt ở tại phần tim. Có bộ phái khác nói là ở trên đỉnh đầu, tại vì sao? Bởi vì thân căn ở những nơi này cùng với ý thức đều đoạn diệt. Nếu người đang chết, thì thân căn này như đá nóng, nước dần dần giảm bớt, ở các nơi như phần chân theo thứ tự mà diệt đi.” Giải thích rằng: Luận Câu Xá nói về nghĩa của Tiểu thừa, cho nên nói là thân căn ở những nơi này cùng với ý thức đều đoạn diệt. Nếu dựa theo Đại thừa, thì thân căn ở những nơi này cùng với thức vốn có đều đoạn diệt.

Thứ hai là phương pháp thọ sanh. Dựa theo luận Câu Xá nói: Vì đi đến nơi cảnh giới thích ứng để đầu thai, cho nên khởi lên chúng sanh trung ấm này. Do thế lực của nghiệp vốn có mà sinh ra nhãn căn, tuy ở rất xa, nhưng có thể trông thấy nơi thích ứng để đầu thai. Ở trong cảnh giới ấy thấy sự đối khác đối với cha mẹ. Nếu thay đổi trở thành nam, thì đối với mẹ lập tức dấy khởi tâm dục của người nam. Nếu thay đổi trở thành nữ, thì đối với cha lập tức dấy khởi tâm dục của người nữ. Trái với tâm này thì dấy khởi giận dữ oán trách. Chúng sanh trung hữu này, bởi vì dấy khởi hai tâm điên đảo, cho nên cầu mong đi đến nơi đầu thai, ngay lập tức vui vẻ đã thuộc về mình. Lúc này bất tịnh đã đến ở trong thai, liền sinh ra hoan hỷ, vẫn dựa vào nơi ấy mà sống. Bắt đầu từ sát na này thì năm ấm của chúng sanh hòa hợp kiên cố vững chắc, năm ấm của thân trung hữu lập tức mất đi, như vậy mới nói là thọ sanh. Nếu thai nhi là nam thì dựa vào sườn bên trái của mẹ, ngồi xỏm đưa mặt hướng về lưng mẹ. Nếu thai nhi là nữ thì dựa vào sườn bên phải của mẹ, đứng xoay mặt hướng về bụng mẹ. Nếu thai nhi phi nam phi nữ, thì tùy theo loại ham muốn mà đầu thai, trú trong thai cũng đều như vậy. Không có trung hữu khác biệt nào mà có đủ cả nam căn và nữ căn. Vì vậy cho nên hoặc là nam – hoặc là nữ, đầu thai mà ở trong thai. Về sau lớn lên ở trong thai, có lúc trở thành chủng loại Hoàng môn. Nếu dựa vào Thai sanh và Noãn sanh, thì lý lẽ là như vậy. Nếu chúng sanh phải đầu thai vào chủng loại Thấp sanh thì bởi vì ưa thích mùi hương cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Mùi hương này hoặc là thanh tịnh-hoặc là bất tịnh, bởi vì tùy theo nghiệp vốn có. Nếu như là chủng loại Hóa sanh thì bởi vì ưa thích nơi chốn, cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Nếu như là chủng loại Hóa sanh thì bởi vì ưa thích nơi chốn, cho nên tìm đến chỗ đầu thai. Nếu như vậy thì chúng sanh địa ngục, làm sao sanh đến nơi chốn ưa thích? Bởi vì tâm điên đảo, chúng sanh này bị mưa gió lạnh lẽo va chạm làm cho thân khó chịu, trông thấy địa ngục có lửa mạnh rùng rùng tỏa sáng thật đáng mừng, muốn được tiếp xúc với hơi ấm cho nên tìm đến tiến vào trong đó. Lại thấy thân thể bị nắng gió nóng bức và những ngọn lửa làm cho cháy bỏng, đau khổ khó chịu đựng nổi, thấy địa ngục lạnh lẽo mát mẻ thì vui thích tiếp xúc với khí lạnh, cho nên tìm đến tiến vào chỗ ấy. Thai sanh và Noãn sanh có sự đối khác đối với cha mẹ mà sinh ra ái sục. Thấp sanh và Hóa sanh không dựa vào tinh cha-huyết mẹ làm thành thân, cho nên không có sự thay đổi này. Chủng loại Thấp sanh chỉ ái trước đối với mùi hương, cho nên tìm đến nơi đầu thai của mình, tùy theo nghiệp thiện-ác mà mùi hương vốn ưa thích, tự nhiên có

thanh tịnh hoặc ô uế. Chủng loại Hóa sanh chỉ đắm theo nơi chốn mà mình nương vào. Địa ngục tuy là nơi khổ đau, nhưng tội nhân tham đắm thì cũng được đầu thai vào trong nơi chốn ưa thích. Tại vì sao? Bởi vì không phải là nơi ưa thích thì không thể đầu thai. Luận nói: “Như sự tạo tác xưa kia có năng lực cảm báo sanh ra như vậy, vui bởi vì thấy thân mình là vị trí như vậy, thấy chúng sanh ấy cũng như vậy, cho nên hưởng về nơi ấy.” Trước kia các Sư đưa ra cách giải thích như vậy: Như lúc chúng sanh 30 tuổi, làm các nghiệp giết hại, giăng lưới đánh bắt các loại chúng sanh. Lúc làm công việc này chắc chắn phải có đồng bạn. Nghiệp này có năng lực cảm báo sanh trong địa ngục. Sau ở trong thời kỳ Trung ấm, thấy thân mình như xưa lúc tuổi 30 làm công việc giăng lưới đánh bắt, cho nên nói là vị trí của mình, lại thấy bạn bè xưa so với xưa không khác; lúc thấy địa ngục thì xưa kia thấy các tướng sông hồ-bạn bè, tất cả dắt nhau cùng đi vào trong đó. Vì vậy khởi tâm ưa thích, lập tức đầu thai trong chốn ấy. Sau lại giải thích rằng: Nghiệp đã tạo xưa kia tuy nhiều, nhưng chắc chắn phải theo một nghiệp dẫn dắt sanh trong địa ngục, hoặc vào lúc hai mươi tuổi gây ra nghiệp này, hoặc lúc ba mươi tuổi gây ra nghiệp này, sau đó ở trong thời kỳ trung ấm nhìn thấy thân mình, như lúc xưa gây ra nghiệp ở độ tuổi trẻ hay già, thấy chúng sanh địa ngục, hoàn toàn như mình năm xưa. Thời gian-tuổi tác đã tương tự, đối với chúng sanh này khởi tâm đắm trước, lập tức tìm đến chỗ ấy, bởi vì tâm ái nhiễm này cho nên đầu thai. Căn cứ theo phần kinh mà các Sư đưa ra cách giải thích như vậy.

Còn trong luận Du Già nói: “Nếu người phước thiện nhỏ nhoi, thì sẽ sanh vào nhà thấp hèn; người ấy vào lúc chết và lúc tiến vào thai, thường nghe các loại âm thanh hỗn loạn, và tự mình trông thấy đi vào trong những rừng cây rậm rạp, tre lau cỏ dại um tùm. Nếu người có nhiều phước thiện, thì được sanh vào nhà tôn quý, người ấy vào lúc bấy giờ thường xuyên tự nghe thấy có những âm thanh vắng lặng tuyệt vời rất vừa ý, và tự mình trông thấy lên cao trên những cung điện lộng lẫy vừa ý, đều hiện bày hình tướng rõ ràng.”

Còn trong luận Câu Xá nói: “Nếu người sắp mạng chung mà khởi tâm tà kiến, người này vì trước đây lấy bất thiện làm nhân-tà kiến làm duyên, cho nên rơi vào địa ngục.” Có Luận Sư nói: Tất cả các hành bất thiện đều là nhân của địa ngục. Ngoài hành bất thiện này ra thì điều ác còn lại đều sanh trong loài súc sanh-ngạ quỷ. Lại vì nghiệp hành dâm dục mạnh mẽ cho nên rơi vào trong loài súc sanh, như dâm dục mạnh mẽ cho nên sanh vào trong các loài chim Bồ câu-Uyên ương. Sân giận

nhiều cho nên sanh vào trong các loài rắn rít-bò cạp. Ngu si nhiều cho nên sanh trong các loài heo dê-sò hến. Kiêu mạn nhiều cho nên sanh trong các loài sư tử-hổ hang. Trạo cử hý luận nhiều cho nên sanh trong loài vượn khỉ. Keo kiệt ganh ghét nhiều cho nên sanh trong loài ngựa quỳ. Nếu có chút ít phước thiện bố thí còn thừa lại, thì tuy sanh trong loài súc sanh mà có vui sướng chút ít. Thân nghiệp và khẩu nghiệp tuy do tâm làm chủ, nhưng khẩu nghiệp bất thiện phải nhận chịu báo ứng rất nhiều. Như mắng người tùy tiện nóng nảy giống như vượn khỉ thì sanh trong loài khỉ. Nếu nói tham lam xấu xa như quạ, lời nói như chó sủa, ngu dần như heo dê, tiếng như con lừa kêu, đi như tướng lạc đà, tự cao ngạo như voi, hung dữ như trâu chạy, dâm dật như chim tước, hèn nhát như mèo hoang, nịnh bợ như chồn cáo. Những ác ngôn ngữ như vậy tùy theo khẩu nghiệp mà nhận chịu báo ứng. Nhưng do ba độc làm căn bản, trong ba độc thì tham ái là nặng nhất, như cầm một đầu tấm vải thì mọi phần vải còn lại đều kéo theo.”

Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “Nếu không đoạn tuyệt với ác thì ái sẽ phát sinh tươi tốt. Do đó bốn loại chúng sanh đều đầy khởi do ái”. Như nói nhiều dâm dục thì sanh trong loài chim tước. Nhiều tham lam đối với mùi vị cho nên thọ sanh ở trong nhà xí. Lại bởi vì ái dục cho nên sanh trong loài Noãn sanh. Tham lam hương vị cho nên sanh trong loài Thấp sanh. Tùy theo sự ái nhiễm vào nơi chốn, khởi lên nghiệp thiết tha sâu nặng thì sanh trong loài Hóa sanh. Nếu tâm thiết tha sâu nặng thích làm hạnh nghiệp tội lỗi, thì lúc chết vọng thấy địa ngục mà sanh trong loài Hóa sanh của địa ngục. Nếu tâm thiết tha sâu nặng ưa thích phước thiện thì sanh trong loài Hóa sanh của các cõi trời. Cho nên trong luận Thành Thật nói: “Như gốc cây không nhổ lên thì cây đó vẫn còn mọc lại, gốc rễ của tham lam không loại trừ thì cây đau khổ vẫn còn tồn tại.”

Còn trong luận Du Già nói: “Sao nói là sinh? Bởi vì ngã ái đã sinh khởi không hề gián đoạn. Từ vô thủy ưa thích đắm theo hý luận, cho nên nhân đã được huân tập. Bởi vì nhân của nghiệp tịnh và bất tịnh đã được huân tập, cho nên dựa vào Thể đó, nhờ sức mạnh tăng lên của hai loại nhân, từ chủng tử ngay trong chỗ này có quả dị thực không ngừng được phát sanh. Lúc chết như hai đầu chiếc cân, xuống thấp-lên cao luôn luôn tương ứng, mà trong này chắc chắn có đủ các căn. Người tạo ra ác nghiệp, đã cảm thân trung hữu như tia sáng nhỏ màu đen, hoặc là bóng đêm tối đen. Người làm thiện nghiệp, cảm được thân trung hữu như ánh sáng của chiếc áo trắng, hoặc là bóng đêm trong sáng rõ ràng.”

Trong luận Câu Xá nói: “Thân trung hữu này đầy đủ năm căn, những loại như kim cang cũng không có thể ngăn ngại. Trong phạm vi kim cang dưới núi Tu Di có loài cóc nhái, thân trung hữu đầu thai vào trong loài ấy, thân trung hữu với hình sắc vi tế, kim cang không thể nào ngăn ngại được. Người có Thiên nhãn, có thể trông thấy sự việc này.” Lại đưa ra sự việc đã nghe làm chứng cứ, đã từng nghe người ta nói, đốt sắt khiến cho cháy đỏ, đập vỡ ra thấy có con trùng.

Thứ ba là tuổi thọ dài-ngắn. Trong luận Câu Xá nói: “Nếu nơi thọ sanh không nhất định thì hưởng về nơi khác, trong quãng đường này đều có thể thọ sanh. Ví như loài trâu vào mùa hạ thì quan hệ hành dục lại nhiều, loài chó vào mùa Thu, loài gấu vào mùa Đông, loài ngựa vào mùa Xuân, loài Dã can-chồn cáo... thì quan hệ hành dục không có mùa nhất định. Mùa này chúng sanh này thuận theo sanh trong loài trâu, nếu không phải mùa hạ thì sanh trong loài Dã can. Nếu thuận theo sanh trong loài chó, nhưng không đúng mùa thì sanh trong loài Dã can.”

Còn các Sư thuộc tông Câu Xá Tiểu thừa, có bốn cách giải thích khác nhau: 1- Nói là lúc rất thúc bách, chết rồi lập tức tiếp nhận sanh ấm. 2- Nói là có thể tồn tại được bảy ngày, đủ bảy ngày rồi, thuộc về thân Trung hữu không giới hạn về thời gian. 3- Nói là có thể tồn tại trong bốn mươi chín ngày, duyên thọ sanh chưa đủ, chết rồi lại thọ thân Trung ấm, cũng không giới hạn thời gian. 4- Nói là tùy theo duyên mà thọ sanh, cho đến tồn tại qua nhiều kiếp chứ không mạng chung.

Dựa theo luận Du Già nói: “Nếu chưa có được duyên thọ sanh thì cao nhất là tồn tại trong bảy ngày, chết mà sống lại, cho đến bốn mươi chín ngày nhận chịu trạng thái chết đi sống lại như vậy. Từ đây về sau mới quyết định được duyên thọ sanh”. Cách giải thích này cùng với 4 cách giải thích trên đều khác nhau.

Thứ tư là cùng chung khả năng nhanh-chậm. Trong luận Câu Xá nói: “Thân Trung ấm này di chuyển giữa hư không mà đi, như người xả mạng sống tùy ý hưởng đến vô lượng thế giới khác mà thọ sanh, trong khoảnh khắc liền đến. Sức thần thông của Nhị thừa chưa vượt ra khỏi một thế giới, mà thân Trung ấm đã đến vô lượng thế giới khác. Cho dù thần lực của Phật cũng không thể nào ngăn cản, khiến cho không hưởng đến nơi đầu thai để có thể trú vào loài khác, bởi vì nghiệp lực đã quyết định”. Luận về nghiệp thần thông thù thắng, là căn cứ vào thần thông thù thắng của phàm phu Nhất thừa. Trong luận Bà Sa nói: “Thần túc thù thắng, là căn cứ vào thần thông mau chóng của Phật.”

Thứ năm là thấy không giống như nhau. Dựa theo luận Câu Xá

nói: “Nếu thân Trung ấm cùng chung một đường đầu thai thì nhất định trông thấy lẫn nhau. Nếu người có Thiên nhãn thanh tịnh nhất thì cùng một chủng loại Đạo tuệ như nhau, người này cũng thấy được người kia đầu thai. Nếu cảm báo đạt được Thiên nhãn thì không thể nào trông thấy, bởi vì bé nhỏ vô cùng.”

Trong Tát Bà Đa Bộ nói: “Nếu cùng thọ sanh ở trong loài người, cùng là Trung ấm loài người, thì có thể nhìn thấy lẫn nhau. Nghĩa này là chắc chắn, không thể nào nhìn thấy Trung ấm của loài khác. Nếu người tu đạt được Thiên nhãn, Thiên nhãn này thì chính là chủng loại của loài này, có thể nhìn thấy hình sắc của Trung ấm. Nếu cảm báo đạt được Thiên nhãn thì không thể nào thấy được hình sắc của Trung ấm, bởi vì hình sắc của Trung ấm vi tế hơn các hình sắc khác.”

Dựa theo Chánh Lượng bộ nói: “Trung ấm của loài trời có thể thấy được tất cả hình sắc Trung ấm của 5 loài khác. Trung ấm của loài người có thể thấy được Trung ấm của 4 loài khác, trừ ra trung ấm của loài trời, không phải loài người mà có thể thấy được. Như vậy theo thứ tự trừ ra loài trước, cho đến Trung ấm của loài địa ngục, trừ ra Trung ấm của 4 loài trước, không phải loài địa ngục mà thấy được, chỉ trông thấy Trung ấm của loài địa ngục.”

Thứ sáu là thân lượng lớn-nhỏ. Trong luận Câu Xá nói: “Thân lượng Trung ấm giống như đứa bé 6-7 tuổi, mà hiểu biết thông minh lanh lẹ. Nếu Bồ Tát đang ở thời kỳ Trung ấm, thì giống như người tròn vẹn ít bệnh, có đủ hình tướng lớn nhỏ. Vì vậy tuy đang ở thời kỳ Trung ấm, đích thực sắp tiến vào thai, mà có năng lực biết rõ tất cả Câu Chi Diêm phù châu.”

Tụng rằng:

*Nhà cao rộng tin là quán trọ,
Nghiệp xấu xa lý thường dẫn dắt,
Hộp ngọc mới giao cho nhìn ngắm,
Đái vàng không thể trì hoãn nữa.
Tiếng than vãn đi theo đường xa,
Bóng dây leo mang treo cành tùng,
Nào có thể giữ lại mười niệm,
Chỉ tùy ý đuổi theo bốn duyên.
Thị huyền ảo làm ra giống-khác,
Biến đổi kỳ dị làm nhiều thân,
Phàm tục ngu si tranh nhân-ngã,
Ai ngờ rằng giả cho là thật.*

*Người sai lầm khăng khăng ngờ vực,
Người thông đạt biết rõ rỗng không,
Thân-sơ đã không hề nhất định,
Đâu bận lòng chẳng có trời xanh!*

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 16 chuyện: 1- Thời Hán Ai Đế có người nữ mang thai chưa sanh, thai nhi hai tháng khóc trong bụng; 2- Thời Hán Bình Đế có người nữ chăn nuôi tuổi còn trẻ chết liệt trong quan tài sáu ngày mà ra khỏi quan tài; 3- Trong thời Han Kiến An có Lý Yêu chết mười bốn ngày sống lại; 4- Thời Hán ở vùng trần Lưu có Sử Cử sắp chết trời trần có chứng nghiệm; 5- Thời Hán có Phùng Quý Nhân chết gần trăm ngày, giặc cướp mở phần mộ mà nhan sắc vẫn như cũ; 6- Thời Hán Linh Đế, người vùng Liêu Tây thấy quan tài nổi giữa sông Liêu, bên trong có người nói là Cô Trúc Quân em của bá Di; 7- Thời Hán ở vùng Doanh Lăng-Bắc Hải có Đạo nhân có năng lực làm cho người và người đã chết gặp nhau; 8- Thời Hán Vũ đế có Hạnh Lý phu nhân, sau khi Ai Đế thấy ở trong rèm; 9- Thời Hán có gia đình Đỗ Hồ mai táng người thân mà người hầu gái chậm chân không ra được, trải qua mười năm mở phần mộ mà người hầu gái vẫn còn sống; 10- Thời Hán ở vùng Lạc Dương có Sa môn Đạt Đa mở phần mộ gặp người sống đã chết mười hai năm nay; 11- Thời Tấn có Đường Tuân chết đột ngột trải qua đêm thấy có điềm báo linh thiêng được ứng nghiệm; 12- Thời Tấn có Sa môn Ha La Kiệt sống chết đều có điềm báo linh thiêng thân dị khó lường; 13- Thời Tấn có Sa môn trúc Pháp Tuệ sống chết cũng có điềm báo linh thiêng thân hóa khó lường; 14- Thời Tống có đệ tử của Sa môn Tuệ Viễn tên là Hoàng Thiên sống chết có linh nghiệm; 15- Thời Tùy có Sa môn Thích Huyền Cảnh sống chết cũng có điềm báo tốt lành ứng nghiệm, 16- Thời Đường có Cư sĩ Bùi Tắc Nam chết đột ngột mà sống lại, nói về đạo lý âm phủ được ứng nghiệm.

1. Tháng 4 năm thứ 4 niên hiệu Kiến Bình-Hán Ai Đế, ở vùng Sơn Dương có người phụ nữ tên là Điền vô Nhất mang thai chưa sanh, thai nhi hai tháng khóc trong bụng, đến lúc sanh ra không cử động bèn đem chôn trên bờ ruộng. Ba ngày sau có người đi qua, nghe tiếng trẻ thơ khóc, mẹ đến đào lên mang về nuôi sống.

2. Tháng 2 năm thứ nhất niên hiệu Nguyên Thỉ-Hán Bình Đế, Sóc Phương Quảng là cô gái chăn nuôi người nước Triệu mắc bệnh mà chết khi tuổi còn trẻ, liệt trong quan tài sáu ngày, mà vung ra ở ngoài quan tài, tự mình nói: Gặp người đàn ông chết. Người ấy mới nói rằng: Tuổi

mới 27, cô không đáng chết. Thái thú Đan Dĩ Văn giải thích rằng: Tận cùng Âm trở thành Dương, kẻ tội tử làm bề trên. Sau đó Vương Mãng cướp ngôi vua.

3. Trong thời Hán Kiến An có Lý Yêu chết mười bốn ngày sống lại, nói rằng ở nơi ấy chuẩn bị làm quỷ thân. Trong niên hiệu Sơ Bình – Hán Hiến Đế có Hoàn Thị ở Trường Sa chết, hơn một tháng người mẹ nghe trong quan tài có tiếng động, mở ra liền sống lại.

4. Thời Hán ở Khảo Thành vùng Trần Lưu có Sử Củ tự là Uy Minh, lúc tuổi còn trẻ đã từng mắc bệnh, sắp chết nói với mẹ mình rằng: Con chết rồi sẽ sống lại, chôn con thì làm gậy trúc làm trụ chống trên mồ con, nếu gậy cao lên thì đào mồ cho con ra. Đến lúc chết thì chôn và chống trụ như lời dặn, bảy ngày sau đến nhìn xem, thì gậy chống quả nhiên nhô cao lên, liền đào đất mang thi hài ra mà sống lại, chạy đến trước giếng tắm gội xong, bình phục như cũ. Lại cùng với người hàng xóm đi thuyền đến dưới huyện Phi, bán cuộc nhưng không bán mà nghĩ là muốn quay về, nói với người ta rằng: Tôi còn trở về trong chốc lát. Người ta không tin điều đó, hỏi rằng làm gì có ngàn dặm mà có thể trở về trong chốc lát? Đáp rằng: Một đêm thì trở lại, nếu như không tin tưởng thì viết thư nhận được trả lời, để làm bằng chứng nghiệm đúng sự thật. Trong một đêm ấy thì trở lại, quả nhiên nhận được thư trả lời, biết đầy đủ tin tức. Huyện lệnh Giang hạ ở Khảo Thành là Đàm Giả Hòa nghe chuyện, chị gái mắc bệnh ở quê nhà, muốn biết gấp tin tức của chị, thỉnh cầu đến thăm hỏi bệnh tình, đường xa ba ngàn dặm, đêm sau nhận thư trả lời, biết đầy đủ mọi điều rất chính xác.

5. Thời nhà Hán có Quý Nhân họ Phùng qua đời gần một trăm ngày, bọn trộm cắp mở phần mộ, mà nhan sắc còn như cũ, nhưng thân hình hơi lạnh. Bọn trộm cắp vui mừng đến mức đổ kị lẫn nhau. Sau đó thì sự việc mới được phát hiện.

6. Thời nhà Hán ở huyện Lệnh Chi có thành Cô Trúc, xưa kia là nước Cô trúc. Năm thứ nhất niên hiệu Quang Hòa-Hán Linh Đế, người vùng Liêu Tây thấy giữa dòng sông Liêu có cỗ quan tài nổi lên, muốn chặt phá cỗ quan tài ấy. Người trong quan tài nói cho biết rằng: Tôi là Cô Trúc Quân, em trai của Bá Di, nước biển làm hư hoại quan quách của tôi, vì vậy mà trôi nổi dập dềnh trên dòng nước, mọi người chặt phá của tôi làm gì? Mọi người nghe sợ hãi không dám chặt phá, vì vậy dựng miếu thờ cúng tôn kính, quan lại-dân chúng có ai muốn mở quan tài nhìn xem, thì đều không có việc gì xảy ra mà chết rất bất ngờ.

7. Thời nhà Hán ở vùng Doanh Lăng- Bắc hải có Đạo nhân, có

năng lực làm cho người sống và người đã chết cùng gặp nhau. Người cùng quận ấy có người vợ chết đã mấy năm, nghe đồn mà đến gặp và nói rằng: Mong làm cho tội gặp người vợ quá cố một lần, có chết cũng không ân hận! Đạo nhân nói: Ông có thể đi đến gặp vợ mình, nếu nghe tiếng trống thì mau chóng rời xa chứ đừng nán lại. Đạo nhân nói cho biết về hạn định khi gặp nhau rồi, ngay sau đó cùng với người vợ gặp nhau chuyện trò vui buồn lẫn lộn, ân tình nồng nàn như lúc còn sống. Lâu sau nghe tiếng trống vang lên, rất tiếc là không có thể ở lại được. Lúc đang rời ra ngoài cửa, bất ngờ vạt sau của chiếc áo bị kẹp chặt trong cửa, đành phải cắt đứt mà đi. Đến hơn một năm sau, người này qua đời, người trong nhà đưa đi mai táng, mở phần mộ thấy dưới quan tài của người vợ có vạt sau của chiếc áo bị cắt đứt.

8. Hán Vũ Đế có Phu nhân Hạnh Lý là người rất tâm đắc. Sau khi Phu nhân qua đời, Vũ Đế thương tiếc suy nghĩ không thôi. Phương Sĩ (người cầu tiên luyện đan) Thiệu ông nói có thể dẫn thần thức của phu nhân đến, bèn bài trí màn che đẹp đẽ-đèn nến sáng ngời, Vũ Đế nhìn từ xa trông thấy người con gái đẹp ở trong trướng, hình dáng giống như Hạnh Lý phu nhân, mà không đến gần được, chỉ có thể nhìn thấy từ xa.

9. Thời nhà Hán có gia đình Đỗ Hồ mai táng người thân, mà người hầu gái chạm chân không ra ngoài được. Hơn mười năm sau mở cửa phần mộ mai táng người khác, mà người hầu gái vẫn còn sống. Lúc mới ra ngoài như người mù, lát sau dần dần hỏi han, tự nói là đã trải qua một vài đêm mà thôi. Lúc ban đầu người hầu gái bị nhốt lằm trong phần mộ, tuổi đến độ 15, đến lúc mở cửa phần mộ về sau sống thêm mười lăm-mười sáu năm nữa, cũng lấy chồng có con bình thường như mọi người.

(Chín chuyện trên đây trích trong *Sưu Thần Dị Ký*).

10. Thời nhà Hán có chùa Bồ đề, do người Tây Vực dựng lên, nằm trong vùng Mộ Nghĩa, Sa môn Đạt Đa dời mồ lấy gạch, phát hiện một người còn sống. Lúc ấy Thái Hậu và Hán Minh Đế đang ở trong cung Hoa Lâm, cho là yêu quái kỳ dị, nói với Hoàng môn thị lang là Từ Hột rằng: Từ thời Thượng cổ đến nay có thể có sự việc như vậy hay không? Từ Hột thưa: Thời nhà Ngụy xưa kia mở cửa phần mộ gặp con rở của Hoắc Quang là nô bộc trong nhà Phạm Bằng Hữu, nói về sự kiện phế lập của triều đại nhà Hán, cùng với Sử Thư rất phù hợp, không đáng lấy làm kỳ lạ. Thái Hậu khiến Từ Hột hỏi họ tên của người ấy, chết đến nay đã mấy năm, ăn uống như thế nào? Người chết còn sống đáp rằng: Bề tôi họ Thôi-tên là Hàm, tự là Tử Hồng, người vùng An Bình-Bác

Lăng, cha tên là Sương, mẹ họ Ngụy, nhà ở làng Phụ Tài phía Tây kinh thành, chết lúc tuổi mười lăm, nay là 27 tuổi, ở dưới đất mười hai năm, thường giống như nằm ngủ say sưa không hề ăn uống gì cả, có lúc lại đi lang thang, hoặc gặp được đồ ăn thức uống, tựa như trong mộng, không thể nào nói hết. Thái Hậu liền sai Môn hạ Lục sự là Trương Tuấn, đến làng Phụ tài hỏi về cha mẹ của Thôi Hàm. Quả là có Thôi Sương, vợ là người họ Ngụy. Trương Tuấn hỏi Thôi Sương: Ông có con đã chết phải không? Thôi Sương nói: Có con trai tên là Tử Hồng, chết lúc 15 tuổi. Trương Tuấn nói: Được người ta đào gặp, hôm nay còn sống đang trong vườn Hoa Lâm, Chúa thượng sai tôi đến hỏi thăm rõ ràng. Thôi Sương nghe mà kinh sợ nói: Thật ra không có người con này, trước đây nói sai thôi. Trương Tuấn trở về đem đầy đủ sự thật đã nghe thưa lại với Thái hậu, Thái hậu sai Trương Tuấn đưa Thôi Hàm về nhà. Thôi Sương nghe Thôi Hàm đến trước cổng, đứng dậy châm lửa-tay cầm dao, vợ Thôi Sương cầm cây gậy đào chống lại. Thôi Sương nói: ông không cần phải đến đây, ta không phải là cha của ông, ông không phải là con của ta, mau tự mình nhanh chóng rời xa thì có thể không gặp tai họa. Thôi Hàm liền bỏ đi, lang thang trong mọi ngõ ngách của chốn Kinh sư, thường ngủ đêm ở dưới cổng chùa. Vương Sương Hoàng Y ở vùng Nhữ Nam thông suốt tất cả, tánh sợ mặt trời không dám ngược mặt nhìn trời, lại sợ nước-lửa và những loại thuốc về binh khí, thường đi ở trên đường, mệt mỗi thì dừng lại, không bao giờ đi chậm, người lúa ấy nói là giống như ma quỷ. Phía Bắc vùng đô thị Lạc Dương có khu chợ Phụng Chung, người trong khu chợ phần nhiều bán đồ dùng tổng táng và các loại quan quách, Thôi Hàm nói rằng: Dùng cây Bách làm quan tài, dùng dùng cây Dâu để tránh tai họa. Người ta hỏi nguyên cơ điều ấy, Thôi Hàm nói: Tôi ở dưới đất thấy binh lính loài quỷ xuất phát, có một con quỷ xưng là Bách Quan, nên tránh đường cho tướng quân. Quân lính nói: Ông tuy là Bách Quan nhưng tang Mộc là tránh được tai họa. Thế là không tránh khỏi quân lính. Chốn Kinh sư có lẽ nghe đồn như vậy, mà gỗ cây Bách dất lên. Người ta nghi rằng người bán quan tài là Thôi Hàm hóa ra cho nên nói lời như vậy.

(Chuyện này thấy trong Lạc Dương Tự Ký Lục).

11. Thời nhà Tấn có Đường Tuân tự là Bảo Đạo, người vùng Thượng Ngụ. Năm thứ 8 niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn, bệnh nặng đột ngột mà chết, trải qua đêm được sống lại. Tự nói rằng: Có người gọi dẫn đi đến một phủ thành, chưa đi vào thì trong chốc lát thấy người chú họ từ trong thành đi ra, ngạc nhiên hỏi Đường Tuân: Vì sao cháu

đến đây? Đường Tuân đáp: Xa cách cô và chị đã qua nhiều năm, muốn đi đến thăm hỏi, dự định trời sáng sẽ lên đường, nhưng trong đêm thấy có mấy người gọi gấp rút đến đây, lập tức có thể quay trở về nhưng mà không biết đường trở về. Người chú họ nói: Cô của cháu mất đã 2 năm, con của chị cả cháu là Đạo văn gần đây bị dẫn đến, đã được nhờ ân đức tha cho, nhưng giữ lại xem hí kịch, không thể lập tức trở về được. Nhiều ngày mới quay về, trong nhà đã khâm liệm, thế là nào trong quan tài, lại lay động đồ vật trên quan tài, hy vọng người trong nhà biết mà mở quan tài ra. Đến lúc đưa quan tài lên đường, thì quan tài rơi xuống dưới xe, người nhà có lẽ muốn mở ra, mới hỏi người bói quẻ, người bói quẻ nói không tốt lành, vậy là không dám mở ra, không sống lại được, nay làm công việc vận chuyển đất cát, vất vả cần cù vô cùng khổ sở. Cháu nên mau chóng rời xa, đừng ở lại nơi này, vả lại chị nhỏ của cháu cũng đã chết rồi, nay cùng ở trong địa ngục với cô của cháu, ngày đêm buồn rầu đau khổ, không biết lúc nào mới có thể thoát ra được, nay cháu quay trở về nên nói với con cái của họ, chịu khó tu tạo công đức thì ngõ hầu được thoát nạn. Lúc ấy chỉ đường cho Đường Tuân trở về, sắp từ biệt lại căn dặn Đường Tuân rằng: Cháu được sống lại rất là đáng vui mừng, ở thế gian chẳng có mấy chốc mà thoát trôi qua như gió bụi thôi, thiên đường-địa ngục với các loại báo ứng khổ-vui, xưa kia chú nghe người ta nói, nay mới nhìn thấy sự thật như vậy, cháu nên hết sức chịu khó làm điều thiện, cốt phải trở thành người hiếu thảo-cung kính-thọ pháp-trì giới, cẩn thận không được vi phạm, một khi thân người mất đi phải vào trong chốn tội lỗi này, bị giam cầm hành hạ tàn khốc vô cùng, tự hối hận đâu còn kịp, chịu khó ghi nhớ trong lòng không được quên mất! Thân thuộc nhà chú, lúc còn sống không tin vào tội-phước, nay cùng gặp cảnh khổ hết sức, mãi mãi nhận chịu đau khổ thâm thẳm, cháy nát hình hài-sống chết xoay vòng không có lúc nào tạm dừng lại, mong cầu một ngày bỏ ác làm thiện, trước mắt đâu có thể có được? Tất cả những gì chú biết đều đem dặn dò cho cháu, cố gắng khuyên nhủ cảm hóa trong nhà cùng nhau gắng sức thực hành! Nói rồi tuôn nước mắt, vì vậy mà cách xa. Đường Tuân đi theo con đường mà trở về, trong chốc lát đã đến nhà, trong nhà lo liệu quan tài sắp xong, còn chuẩn bị khâm liệm. Đường Tuân đã đến gần thân xác, thân xác trong giây lát điều hòa lại khí lực. Thời gian trôi qua dần dần bình phục mà sống lại. Bệnh nặng đã lành hẳn, khuyên nhủ chỉ rõ cho người thân thiết, cùng nhau vâng theo thực hành giáo pháp. Ban đầu cô của Đường Tuân đi lấy chồng là Từ Hán ở quận Nam, chị cả lấy chồng là Lạc Du ở Giang hạ, còn chị

nhỏ lấy chồng là Nghiêm Văn ở Ngô Hưng, đường đi cho nên từ lâu cắt đứt liên lạc không có tin tức gì. Đường Tuân đã khỏi bệnh, liền đi đến ba quận, tìm thăm cô và chị nhỏ, chị và cô quả nhiên đều đã qua đời. Chị cả cũng nói, Đạo Văn con của chị sau khi khâm liệm thì quan tài có lay động và rơi xuống xe. Tất cả đều giống như người chú họ nói. Đã nghe Đường Tuân nói lại ý chết đột ngột của Đạo Văn, người chị càng trở nên đau đớn ân hận vô cùng, quay cuồng xót xa mà xé nát quần áo như điên dại.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

12. Thời nhà Tấn ở Lạc Dương có Sa môn Ma ha Kiệt, vốn là người vùng Tương Dương tuổi trẻ xuất gia tụng kinh hai trăm vạn lời, tánh khiêm tốn yên lặng giữ gìn giới luật-tiết tháo, hành động tốt lành-dung mạo sáng suốt, phần nhiều hành hạnh đầu đà chỉ một mình ở chốn núi rừng vắng vẻ. Năm thứ 9 niên hiệu Thái Khang-tấn Vũ Đế, tạm thời đến vùng lạc Dương, lúc ấy dịch bệnh rất phổ biến, chú nguyện đều khỏi bệnh. Đến năm thứ nhất niên hiệu Nguyên Khang-Tấn Huệ Đế, mới đi vào ở trên núi Lô Chí ngồi thiền trong hang đá, từ hang này đi lấy nước đã rất xa, lúc ấy người ta muốn mở ra làm thành một khe nước. Ha Kiệt nói: Không cần phải tốn sức làm gì! Thế là tự mình đứng dậy dùng chân trái giậm vào tường đá phía Tây của hang, bức tường lún xuống che khuất bàn chân, đã rút chân rồi thì nước từ trong đó chảy ra, trong mát thơm tho thấm ướt ngọt ngào, bốn mùa không cạn, người đến uống đều làm cho đói khát dừng lại và loại trừ mọi bệnh tật. Đến năm thứ 8 niên hiệu Nguyên Khang, ngồi nghiêm trang mà hóa thân. Đệ tử y theo phép nước mà hỏa táng, lửa cháy nhiều ngày mà thi hài hãy còn ngồi trong lửa, mãi không rõ thành tro bụi, mới chuyển trở về trong hang đá. Sau có người Tây Vực tên là Trúc Định tự An Thế, trong thời Tấn Hàm Hòa đi đến xứ sở ấy, tự mình quan sát nhìn thấy thi hài, ngồi trang nghiêm như thường, lúc ấy mất đã hơn 30 năm. Trúc Định sau đó đến Kinh đô, thuật lại cho đạo-tục biết.

13. Thời nhà Tấn có Sa môn Trúc Pháp Tuệ, vốn là người vùng Quan Trung, chính trực có giới hạnh, đi vào núi Tung Cao thì Phật Đồ Mật làm thầy. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên-Tấn Khang Đế, đến Tương Dương ở chùa Thúc Tử vùng Chỉ Dương, không nhận sự thỉnh cầu riêng biệt. Cứ mỗi khi khát thực thì ôm chiếc giường dây đi theo bên mình, ở trên đường đi vắng vẻ trống trải thì bày ra mà ngồi, có lúc gặp trời mưa lấy áo choàng tự che mình, mưa tạnh chỉ trông thấy giường dây, không biết Pháp Tuệ ở nơi nào; hỏi thăm chưa có tin tức

mà Pháp Tuệ đã ở tại giường dậy. Đã từng nói với đệ tử là Pháp Chiêu rằng: Thời quá khứ ông làm gãy chân một con gà, tai ương đó đang tìm đến. Lát sau Pháp Chiêu bị người ta ném trúng chân, liền mang tật suốt đời. Sau đó nói với đệ tử rằng: Vùng Tân Dã có một ông cụ sẽ mạng chung, ta muốn độ cho ông cụ. Vẫn đi ở giữa bờ ruộng, quả nhiên thấy một ông cụ dắt trâu cày ruộng, Pháp Tuệ đi theo xin trâu, ông cụ không cho. Pháp Tuệ tiến lên phía trước tự nắm mũi con trâu, ông cụ sợ hãi vô cùng, liền đem con trâu mà cho. Pháp Tuệ dắt trâu chú nguyện đi bảy bước mà quay lại, lấy trâu trả lại cho ông cụ. Vài ngày sau ông cụ qua đời. Sau tướng quân chinh phạt phía tây là Dữu Di Mộ trấn giữ vùng Tương Dương, xưa nay đã không tin thờ giáo pháp, nghe pháp Tuệ có thái độ và cử chỉ đặc biệt cho nên rất căm ghét. Pháp Tuệ báo cho đệ tử biết trước rằng: Đối thủ xưa kia của ta đang tìm đến, nhắc nhở khuyến khích mọi quyến thuộc khiến cho chịu khó tu đạo phước thiện. Sau đó hai ngày quả nhiên bị Di Mộ bắt mà hành hình, hưởng thọ 58 tuổi. Trước lúc chết nói với mọi người rằng: Nếu như ta bị hành hình oan ức, thì ta chết rồi sau ba ngày trời sẽ trút mưa dữ dội. Đến kỳ hạn quả nhiên trút mưa lớn, ngoài cổng thành ngập sâu một trượng, quyến thuộc của Di Mộ và cư dân trong vùng đều bị chết chìm.

(Hai chuyện trên đây trích trong Lương Cao tăng truyện).

14. Thời nhà Tống có Sa môn Tuệ Viễn, là tăng ở chùa Trường Sa-Giang Lăng. Thầy là Tuệ Ấn giỏi về thiên pháp, gọi là Thiên Sư. Tuệ Viễn vốn là tôi tớ tên gọi Hoàng Thiên của Tuệ Ấn. Lúc 20 tuổi Tuệ Ấn đã từng nhập định, thì thấy đời trước của Hoàng Thiên, chính là vị thầy của mình, cho nên liền độ làm đệ tử. Thường nhờ vào nhà của Đạo Sảo ở phía tây chợ Giang Lăng mà thực hành Bàn Châu tam muội, chịu khó chịu khổ hơn một năm, nhờ vậy thành tựu mà có thể có sự cảm ứng biến hóa. Hoặc là trong một ngày đi đến dự trai hội hơn 10 nơi, tuy là suốt ngày suốt đêm hành đạo tụng kinh, mà nhà nào cũng thấy có mặt Hoàng Thiên ở đó. Mọi người có phần kính trọng đặc biệt, cho là bậc đặc đạo. Vào một hôm trong năm thứ hai thời Tống Hiếu Kiến, tự nói kỳ hạn chết của mình. Nói với Đạo Sảo rằng: Đêm mai tôi sẽ qua đời ở tại nhà ông. Đến ngày Đạo Sảo tổ chức bát quan trai, thắp đèn suốt đêm, đầu đêm-giữa đêm Hoàng Thiên hãy con hoan hỷ còn hoan hỷ cùng mọi người hành đạo, tốt lành không có gì khác lạ. Sau canh 4, mới nói là mệt mỏi mà nằm, nhan sắc có phần thay đổi, lát sau thì qua đời. Cả vùng vì vậy tổ chức hai mươi một ngày trai dựng tháp. Tháp bây giờ hãy còn. Sau khi chết một thời gian dài, hiện hình

trong chùa Đa bảo, nói với Đạo nhân Đàm Tuần rằng: Ngày 23 tháng 2 năm sau, sẽ cùng với chư Thiên đến đón. Nói xong mà ra đi. Đàm Tuần ngay trong Thiên phòng ở Trường Sa thiết trai suốt 90 ngày, xả thân bố thí. Đến ngày ấy sức lực hao tổn, tự biết mình chắc chắn mạng chung, mời nhiều đạo-tục tổ chức pháp hội long trọng. Giữa canh ba kêu hỏi chúng Tăng, có nghe thấy điều gì không? Mọi người nói rằng: Không cảm thấy điều gì khác lạ. Đàm Tuần nói: Trong bầu trời có tiếng nhạc vang lừng, khói hương ngào ngạt rất kỳ lạ, phù hợp với Hoàng Thiên, hạn kỳ nay đến rồi. Chúng Tăng bắt đầu trở lại Thiên đường bước vào chỗ ngồi, mà Đàm Tuần đã đi xa.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

- Thời nhà Tống có một người, quên mất họ tên người ấy, cùng ngủ với vợ. Trời sáng người vợ thức dậy đi ra ngoài, sau đó người chồng liền đi nơi khác, mà người vợ trở về thấy chồng mình hãy còn ngủ ở trong chăn. lát sau người tôi tớ từ bên ngoài trở về, nói là ông nhà tìm cái gương soi. Người vợ cho rằng tôi tớ nói dối, bèn chỉ trên giường để nói rõ cho tôi tớ. Người tôi tớ nói:” Vừa nghe ông nhà nói mà chạy đến đây. Thế là chạy nhanh đến trình bày với chồng mình. Người chồng rất kinh ngạc liền đi vào. Vợ chồng cùng nhìn thấy người nằm trong chăn, gối cao đang ngủ yên, chính là hình dáng ấy, không hề sai khác một chút nào. Nghĩ là hồn phách thần thức của chồng, không dám làm kinh động, bèn cùng nhau dùng tay từ từ vỗ nhẹ vào giường, thuận theo từ từ đưa vào chiếu, dần dần tiêu mất. Vợ chồng than thở sợ hãi như vậy, không bao lâu người chồng mắc bệnh, tính tình trở nên khác lạ, thế là cuối cùng mà chết.

(Chuyện trên đây trích trong Tục Sưu Thân Ký.)

- Thời nhà Tống có những người học trò đi học xa nhà, cha mẹ họ đốt lửa làm việc ban đêm. Người con đến phía trước than thở rằng: Nay con chỉ là hồn phách thôi, chứ không còn là người sống nữa. Cha mẹ hỏi lý do điều ấy. người con nói: Tháng này mới mắc bệnh, chết vào giờ đó trong ngày hôm nay, bây giờ ở trong nhà Lang Nha Nhậm Tử Thành, ngày mai sẽ khâm liệm, cho nên đến báp cho cha mẹ và đón cha mẹ đến. Cha mẹ nói: Chánh nơi này cả ngàn dặm, cho dù mong đến nhưng làm sao đến kịp với con! Người con nói: Bên ngoài có cỗ xe, đi thì tự nhiên có thể đến thôi. Cha mẹ thuận theo trèo lên xe, bỗng hiên giống như trong khoảng giấc ngủ, lúc gà gáy đã đến chỗ đó, nhìn thấy người đánh xe ấy chỉ là hồn đánh xe-ngựa bằng gỗ. Thế là người chủ dẫn đến trước chỗ người con, cha mẹ đau xót vô cùng, hỏi về bệnh tình của con

thì tin tức giống như lời đã nói.

(Chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.)

15. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Huyền Cảnh ở vùng Nghiệp Hạ-Thương Châu, người họ Thạch vùng Thương Châu, hiểu rõ mọi lẽ huyền vi, giảng giải thông thạo Đại thừa. Sau bởi vì bệnh tật mà nằm ba ngày, nói cho người thị giả biết rằng: Huyền Cảnh mong muốn bái kiến Đức Phật Di Lặc, tại sao lại làm Thiên chủ cõi trời Da Ma? Lại nói: Khách bạn rất nhiều, trách nhiệm cần phải tiếp đãi chu đáo. Có người hỏi nguyên cớ điều ấy, đáp rằng: Thức tướng của hàng phàm phu làm sao có thể kiểm tra so sánh được, sắp có Thiên chúng muốn đến mời mọc đón tiếp mà thôi. Sau đó mùi hương kỳ lạ ngào ngạt khắp nhà, mọi người đều ngửi thấy. Lại nói: Ta sắp đi rồi, sẽ nguyện đời đời kiếp kiếp làm thiện tri thức với nhau. Thế là mạng chung ở nơi cư trú, vào tháng sáu năm thứ 2 niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy. Từ lúc còn sống thường lập nguyện rằng: Hải cốt chìm vào trong nước. Đến sau khi qua đời thuận theo ý nguyện trước đây, đưa thi hài an táng vào giữa lòng nước trong và sâu của sông Tử Mạnh. Ba ngày sau đến xem, nơi đã đim thi hài, lại nổi lên thành gò cát, rất cao lớn mà dòng nước tách ra làm hai nhánh. Đạo-tục cho là điềm kỳ lạ xưa nay, lưu truyền dấu tích đến ngày nay.

(Chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện).

16. Thời nhà Đường có Bùi tắc Nam là người vùng Ly Hồ-Tào Châu, chết vào ngày 21 cuối niên hiệu Đường Trinh Quán, trải qua ba ngày mà sống lại. Tự mình nói rằng: Lúc mới chết bị một người dẫn đến chỗ nhà vua, nhà vua mặc áo trắng tươi sáng sạch sẽ vô cùng. Nhà vua sai người này dắt trâu cày đất. Người này kể lễ: Anh em còn thơ dại không có người giúp đỡ hầu hạ cha mẹ. Nhà vua thương xót, bèn sai sứ giả dẫn đi về phía Nam, đến lớp cổng thứ ba, đi vào trông thấy vạc sôi và núi dao-cây kiếm, lại trông thấy mấy ngàn người đều bị chặt đầu bày la liệt trên mặt đất. Những chiếc đầu này đều nói rằng đói lắm. Ở thôn ấy có một bà cụ, tuổi gần 70, lúc ấy hãy còn chưa chết, thì thấy ở trước vạc sôi châm lửa. Nhìn thấy rồi trở về đến trước nhà vua, gặp người cùng thôn là Trương Thành, cũng chưa chết. Có một người tố cáo Trương Thành đã phá hủy nhà cửa của người đó. Nhà vua sai sứ giả kiểm tra sự việc. Sứ giả thưa rằng: Điều này là có thật. Trương Thành nói: Trương Thành cày đất không biết, cày nát phần mộ người ấy, chứ không phải cố ý như vậy. Nhà vua nói: Tuy ông không phải là cố ý, nhưng tâm hoàn toàn là không cẩn thận thôi. Liền sai người đánh gậy

vào lưng người ấy bảy lần. Lát sau nhà vua nói: Ông lại không có điều gì, tha cho ông sớm trở về. Nhà vua bèn sai người đưa đi, khiến theo phía Bắc ra ngoài vượt qua tường thành và leo lên tường thành nhìn thấy nhà của mình, thì nghe có tiếng khóc lóc, bèn nhảy xuống dưới tường thành, bỗng nhiên tỉnh mà ngồi dậy. Sau khi đã sống lại, nói sự việc đầy đủ cho mọi người trong thôn xóm biết. Người trong thôn ấp nhìn thấy trên lưng Trương Thành có dấu vết của bảy lần đánh gậy, dấu vết bầm đen. Hỏi đến ngôi mộ bị phá hủy ấy, thì đáp rằng không sai. Bà cụ sau đó mắc bệnh, không bao lâu mà chết.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

- Thời nhà Đường có Lang Nha Vương Chi Hoàng, trong niên hiệu Đường Trinh Quán làm huyện lệnh Hòa Xuyên-Tầm Châu, có con gái lấy chồng là Thôi Quĩ ở Bắc lãng. Thôi Quĩ ở Hòa Xuyên gặp bệnh mà chết. Chết trải qua mấy chục ngày, nhà ấy bỗng nhiên ở trong đêm khuya nghe tiếng nói của Thôi Quĩ. Lúc đầu cả nhà đều kinh sợ, sau đó mới cho là bình thường, nghe nói rằng: Thôi Quĩ là con rể, tuy không thích hợp để lập bàn thờ ở nhà vợ, nhưng bởi vì khốn khổ không có nơi nào nương nhờ, cho nên nhờ cậy sắp xếp giùm ở đây. Người vợ thuận theo lời đề nghị của chồng, sớm tối đặt cơm mà không đồng ý đặt thịt, chỉ khiến đặt cơm chay cho mình, luôn luôn khuyên lạy Phật không tùy ý lười nhác. Lại nói đầy đủ sự việc trong địa ngục rằng: Cuộc đời con người luôn luôn không tránh khỏi tội lỗi sát sanh và bất hiếu, tự nhiên những tội lỗi khác đại khái là cũng nhỏ mà thôi. Lại nói: Thôi Quĩ tuy là vô tội, nhưng rất mong làm phước trợ giúp cho Tôi Quĩ đôi lần thiết trai cúng dường, và biên chép các kinh Pháp Hoa-Kim Cang bát Nhã- Quán Âm, mỗi kinh vài ba bộ, cùng với công đức trước kia nếu như được thành tựu, thì từ nay về sau sẽ không trở lại nữa. Vương gia cùng y theo lời ấy mà biên chép các kinh và thiết trai cúng dường, Thôi Quĩ bỗng nhiên lại đến hồ thẹn mà cảm ơn, nhân đó nói rằng: Nay chính là lúc đến từ biệt lần cuối cùng. Cả nhà khóc mà tiễn đưa. Thôi Quĩ có để lại con trong bụng, đến lúc 4-5 tuổi nói rằng: Đứa con này của Thôi Quĩ chắc chắn có mạng làm quan, mong cố gắng nuôi dạy nên người! Từ đó về sau không còn trở lại nữa.

(Chuyện trên đây được Vương Chi Hoàng tự mình kể lại).

